TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 4 năm 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trịnh Trung Tuyến

- Bà Đỗ Thị PH

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2026, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

CCCD số: 038193039943; cấp ngày: 17/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

2. ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T; Sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

CCCD số: 038090022091; cấp ngày: 17/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2025 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Phạm Văn T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa pH và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân (nay là xã Sao Vàng), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/5/2023. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể T tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Phạm Nguyễn Trang Nhung, sinh ngày 22/10/2024. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Trang Nhung ở cùng với chị H, nên khi ly hôn chị H có đề nghị được trực T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trang Nhung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2026 đến khi cháu Trang Nhung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh T thống nhất với phần nội dung về việc đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống đang bình thường thì cô H bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, nay lại làm đơn đề nghị ly hôn nên anh T không đồng ý ly hôn vì thấy vợ chồng đang còn tình cảm.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh T xác nhận giữa anh và chị H có một con chung như chị H trình bày là đúng. Trường hợp phải ly hôn thì anh T đề nghị được trực T nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Trường hợp cô H được nuôi con thì anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không có mặt để tham gia hòa giải. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 8 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và

Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại thôn Tân Lập, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị H.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn T chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2023 tại UBND thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân (nay là xã Sao Vàng), tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, dẫn đến không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc, chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp,

chứng tỏ anh T cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa pH phản ánh: Anh T và chị H trong thời gian sinh sống tại địa pH có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa pH không biết vì không có báo cáo với chính quyền địa pH; Xác nhận hiện tại chị H không ở cùng với anh T, chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn 4, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa ở; Anh T và chị H có một con chung là cháu Phạm Nguyễn Trang Nhung, sinh ngày 22/10/2024 hiện tại cháu Trang Nhung đang ở cùng với chị H tại thôn 4, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:*

Chị H và anh T công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Nguyễn Trang Nhung, sinh ngày 22/10/2024.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: Xét thấy hiện tại cháu Trang Nhung đang ở với chị H; tại thời điểm xét xử cháu Trang Nhung chưa đủ 36 tháng tuổi; Chị H có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo tốt về mọi mặt; Để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của cháu Trang Nhung nên khi ly hôn giao cháu Trang Nhung cho chị H được trực T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với mức lương tối thiểu vùng tại nơi anh T cư trú nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu được trực T nuôi con của anh T: Xét thấy hiện tại cháu Trang Nhung đang ở với chị H và chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần phải giao con cho mẹ là chị H trực T nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu của anh T không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung của anh T: Cháu Trang Nhung là con của anh T nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, do đó buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị H và anh T phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T công nhận vợ chồng có một con chung là Phạm Nguyễn Trang Nhung, sinh ngày 22/10/2024. Khi ly hôn giao cháu Trang Nhung cho chị H được trực T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu Trang Nhung đủ 18 tuổi; Anh T có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002158 ngày 23/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Sao Vàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long